TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 28 -9 - 2017
V/v xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan
Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết
Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 144/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 216/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tr- sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp 6, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tr: Ông Ngô Đình Ch– Văn phòng Luật sư Ngô Đình Chthuộc Đoàn Luật sư tỉnh C(có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T- sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Số 205, khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Tr– Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị Trtrình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn Tsống chung từ năm 1992, không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tr xin được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Một căn nhà cấp 4, diện tích 160,0m^2 (ngang 08m, dài 20m) xây dựng vào năm 2003, trị giá khoảng 150.000.000 đồng, 200m^2 đất ở, 1.480, 0m^2 đất vườn và 07 công đất ruộng tầm 03m tọa lạc tại khóm 2, phường T,

thành phố C, tỉnh Cà Mau, tổng giá trị của nhà và đất khoảng 500.000.000 đồng. Toàn bộ đất và nhà là của ông Phạm Văn Tcó trước khi hai vợ chồng chung sống. Đối với căn nhà này bà xin nhận ½ giá trị là 75.000.000 đồng, còn lại giao nhà cho ông T, đối với phần đất bà yêu cầu chia đôi diện tích đất. Tại phiên tòa sơ thẩm bà có thay đổi yêu cầu theo định giá tài sản nhà và đất của Công ty thẩm định giá Miền Nam trị giá là 2.574.667.000 đồng, bà yêu cầu chia công sức đóng góp nhà và đất là 30% tương đương số tiền 772.400.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Nợ chung: Bà xác định không nợ ai, cũng không ai nợ lại.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về hôn nhân ông T và bà Tr chung sống với nhau năm 1992 là đúng thực tế, tuy không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức làm tiệc ra mắt họ hàng, thân tộc. Trong quá trình chung sống bà Tr đã bỏ ra rất nhiều công sức đóng góp, duy trì tôn tạo tài sản cho gia đình ông T và bà Tr là người quản lý toàn bộ tài chính trong gia đình, cho nên việc yêu cầu được chia công sức đóng góp 30% trong khối tài sản định giá là hoàn toàn có căn cứ nên yêu cầu Tòa án chấp nhận.

Ông Phạm Văn Ttrình bày:

- Về hôn nhân: Hai vợ chồng sống chung với nhau vào năm 1992, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay bà Tr xin ly hôn, ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông xác định không có.

- Về tài sản chung: Gồm có một chiếc xe máy, bà Tr đang quản lý lúc mua trị giá 3.000.000 đồng, một cái giường trị giá 1.200.000 đồng, một miếng đất ở mé sông có chiều ngang 04m đất tọa lạc tại tại khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, mua của ông Tám Lvà bà Kim Ekhông có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ làm giấy tay, lúc mua giá trị 40.000.000 đồng. Vợ chồng trả chung là 30.000.000 đồng, phần còn lại bà Tr tự trả. Khi ly hôn, ông không yêu cầu chia tài sản trên, ông đồng ý giao tất cả tài sản trên cho bà Tr quản lý.

Còn đối với một căn nhà cấp 4, đất trồng lúa 7.833m^2; đất thổ cư 300m^2; đất lập vườn 2.310m^2, đất tọa lạc tại khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Đối với phần đất và nhà là tài sản riêng của ông do ông được cha, mẹ ruột cho vào năm 1976. Đối với căn nhà được sửa chữa lại vào năm 2003, là lấy tiền bán đất xây dựng. Do đó, ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Tr.

- Nợ chung: Ông xác định không nợ ai, cũng không ai nợ lại.

Bà Lê Thị Trxác định: Chiếc xe máy lúc mua trị giá 3.000.000 đồng loại xe cũ hiện nay cũng không có giá trị cao, một cái giường trị giá 1.200.000 đồng mua cách đây 18 năm các tài sản này đã hư hỏng, một miếng đất ở mé sông có chiều ngang 04m chiều dài không nhớ rõ bao nhiêu mét, đất tọa lạc tại tại khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, mua của ông Tám L, lúc mua giá trị 40.000.000 đồng. Vợ chồng trả chung là 20.000.000 đồng, phần còn lại bà Tr tự trả. Bà cho là phần đất này do bà tự mua và mượn tiền, không liên quan đến ông T.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 144/2017/HNGĐ-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cquyết định:

Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Trvà ông Phạm Văn Tvà là vợ chồng.

- Về con chung : Không có.

- Về tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu chia công sức đóng góp của bà Lê Thị Tr. Buộc ông Phạm Văn Tchia phần công sức đóng góp cho bà Lê Thị Trsố tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/7/2017 bà Tr có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia cho bà 772.400.000 đồng, bằng 30% tổng giá trị tài sản của ông T được định giá. Đồng thời yêu cầu xem xét số tiền chi phí định giá giá tài sản là 5.976.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tr bổ sung yêu cầu kháng cáo, bà Tr yêu cầu nếu không chia giá trị tài sản bằng tiền cho bà Tr thì yêu cầu được nhận 500m^2 đất, vì cấp sơ thẩm buộc ông T chia phần công sức đóng góp cho bà Tr 500m^2 đất nhưng tính giá trị đất theo giá đất của Ủy ban tỉnh Cà Mau quy định là 70.000 đồng/m^2 là không phù hợp so với giá trị đất thực tế hiện nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Trđược thực hiện trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo về việc yêu cầu chia một phần công sức đóng góp là 772.400.000 đồng hoặc nhận 500m^2 đất theo sự thỏa thuận của ông T cho bà Tr 500m^2 vào ngày 02/11/2013.

Hội đồng xét xử xét thấy vào năm 1996 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 10.443m^2 trong đó có 2.310m^2 đất lập vườn, 7.833m^2 đất trồng lúa và 300m^2 đất thổ cư. Toàn bộ phần đất này bà Tr thừa nhận là của ông T có trước khi bà Tr về chung sống với ông T vào năm 1992.

Xét thấy, tuy bà Tr và ông T không có đăng ký kết hôn nhưng ông T thừa nhận từ năm 1992, ông cùng bà Tr đã chung sống với nhau, trong quá trình chung sống đến năm 2014, bà Tr đã cùng ông T sử dụng phần đất của ông T để cải tạo, canh tác để nuôi các con của ông T. Đồng thời trong thời gian chung sống đến năm 2003 bà Tr và ông T đã cất một căn nhà để ở. Mặc dù ông T cho rằng tiền cất nhà là do ông bán đất để cất, không phải tiền do ông và bà Tr tạo ra, tuy nhiên trong quá trình quản lý sử dụng đất và cất nhà ở nhiều năm thì bà Tr vẫn có một phần công sức đóng góp để cải tạo, giữ gìn và duy trì khối tài sản trên của ông T. Đã qua ông T cũng thừa nhận công sức này của bà Tr nên vào ngày 02/11/2013, tại biên bản hòa giải của khóm 2, phường T, thành phố C, ông T đồng ý chia cho bà Tr 500m^2 đất ruộng, bà Tr yêu cầu chia cho bà phần đất có chiều ngang 05m chiều dài 100m có đất thổ cư để bà Tr đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông T không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cũng thừa nhận bà Tr chung sống với ông và đã cùng với ông nuôi các con ông từ năm 1992 đến khi các con ông trưởng thành, nên bà Tr cũng có công sức đóng góp cho gia đình ông nhưng bà Tr không tạo ra được tài sản chung.

Mặc dù bà Tr không xác định được công sức đóng góp của mình trong khối tài sản của ông T, nhưng thực tế đã qua bà Tr và ông T đã cùng chung sống với nhau, cùng canh tác, cải tạo và duy trì tài sản của ông T. Đã qua ông T đã đồng ý chia cho bà Tr 500 m^2 đất ruộng, vì vậy cần chấp nhận công sức đóng góp của bà Tr trên phần đất ông T đồng ý chia cho bà Tr là 500m^2 được định giá bằng tiền để buộc ông T phải trả cho bà Tr là phù hợp.

Xét thấy cấp sơ thẩm xác định bà Tr có công sức đóng góp vào khối tài sản của ông T nên đã chấp nhận chia cho bà Tr 500m^2 đất ruộng theo sự đồng ý của ông T trước đây, nhưng cấp sơ thẩm tính giá trị đất theo giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định là 70.000 đồng/m^2, nên buộc ông T phải trả cho bà Tr 35.000.000 đồng, trong khi đó giá đất trồng lúa của ông T được Công ty thẩm định Miền Nam xác định theo chứng thư thẩm định giá ngày 34/4/2017 là 210.000 đồng/m^2.

Do chấp nhận chia công sức đóng góp cho bà Tr bằng 500m^2 đất ruộng được chia theo giá trị bằng tiền thì phải tính theo giá đất được định giá mới đảm bảo quyền lợi cho bà Tr. Do đó, buộc ông T phải chia cho bà Tr phần công sức đóng góp là 105.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tr về việc nhận 500m^2 đất.

Xét kháng cáo của bà Tr về số tiền chi phí định giá tài sản; Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy đinh " *Đương sự phải chịu chi phí định giá nếu yêu cầu của họ không được chấp nhận*". Do yêu cầu của bà Tr yêu cầu ông T phải chia 30% trị giá tài sản của ông T cho bà 772.400.000 đồng hoặc chia cho bà 500m^2 đất đều không được chấp nhận nên bà Tr phải chịu số tiền chi phí định giá là 5.976.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Tr nên bà Tr không phải chịu án phí.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Tr.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 144/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Phạm Văn Tphải chia một phần công sức đóng góp cho bà Lê Thị Trvới số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Lê Thị Trcó đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Văn Tchưa thanh toán xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Trphải chịu chi phí định giá tài sản là 5.976.000 đồng, bà Tr đã dự nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lê Thị Trkhông phải nộp, ông Phạm Văn Tphải nộp 5.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tr không phải chịu, đã qua bà Tr có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003389 ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Phương Loan